



Phụ lục 6

Bảng học phí dự kiến đối với các Chương trình đào tạo
Kì tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

Các ngành/Chương trình đào tạo	Học phí tổng cộng toàn khóa (đồng)
Các ngành đào tạo giáo viên	84.040.000
Quản lý giáo dục	102.102.000
Quản trị kinh doanh; Quản trị văn phòng; Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Luật; Kinh doanh quốc tế; Kiểm Toán	132.732.600
Khoa học môi trường	142.942.800
Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	165.489.940
Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu	142.942.800
Toán ứng dụng	127.627.500
Tâm lý học; Việt Nam học; Quốc tế học	127.627.500
Thông tin - Thư viện	122.522.400
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Du lịch	132.732.600
Ngôn ngữ Anh	142.942.800
Địa lý học; Lịch sử	86.786.700
Công nghệ thông tin (chương trình đào tạo chất lượng cao)	212.772.780
Kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao)	158.258.100
Ngôn ngữ Anh (chương trình đào tạo chất lượng cao)	168.468.300
Quản trị kinh doanh (chương trình đào tạo chất lượng cao)	158.258.100

Sathual